

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHÍNH THỨC

22 - 01 - 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2012

TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 31/12/2012

(DẠNG ĐẦY ĐỦ)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NỘI DUNG

	Trang
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*(Dạng đầy đủ)**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012***MẪU SỐ B 01-DN***Đơn vị tính : VND*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		10.927.532.817.529	9.279.160.021.716
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	1.224.462.285.364	3.101.435.901.849
1. Tiền	111		824.462.285.364	771.435.901.849
2. Các khoản tương đương tiền	112		400.000.000.000	2.330.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2	3.909.275.954.492	736.033.188.192
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4.039.304.630.112	815.277.431.792
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(130.028.675.620)	(79.244.243.600)
III. Các khoản phải thu	130		2.208.745.769.703	2.126.947.803.251
1. Phải thu khách hàng	131	VI.3	1.274.574.429.461	1.152.632.033.803
2. Trả trước cho người bán	132		550.939.005.745	743.668.199.436
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	137		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	VI.4	387.064.506.947	232.545.166.006
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	VI.5	(3.832.172.450)	(1.897.595.994)
IV. Hàng tồn kho	140		3.357.506.580.186	3.186.792.095.368
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	3.360.961.745.571	3.191.726.002.038
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	VI.7	(3.455.165.385)	(4.933.906.670)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		227.542.227.784	127.951.033.056
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.8	70.612.136.982	56.321.028.026
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		154.117.902.324	70.615.030.542
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		2.812.188.478	1.014.974.488

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012***MẪU SỐ B01-DN**

Đơn vị tính : VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		8.825.031.622.819	6.285.158.103.799
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		7.446.795.167.863	4.571.226.735.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	3.748.756.576.222	3.140.742.111.001
- Nguyên giá	222		5.844.850.660.156	4.819.396.220.602
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.096.094.083.934)	(1.678.654.109.601)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	207.666.924.724	209.380.741.295
- Nguyên giá	228		309.274.097.560	305.503.445.243
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(101.607.172.836)	(96.122.703.948)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	VI.12	3.490.371.666.917	1.221.103.883.288
III. Bất động sản đầu tư	240	VI.11	69.225.239.090	73.182.137.539
- Nguyên giá	241		90.177.337.460	90.177.337.460
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(20.952.098.370)	(16.995.199.921)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.182.017.661.007	1.550.368.535.378
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.13	1.078.318.014.080	823.752.380.127
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VI.14	214.466.955.551	214.466.955.551
3. Đầu tư dài hạn khác	258	VI.15	80.840.000.000	783.611.273.800
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	VI.16	(191.607.308.624)	(271.462.074.100)
V. Tài sản dài hạn khác	260		126.993.554.859	90.380.695.298
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.17	17.915.187.787	13.955.996.238
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		108.001.947.072	75.328.279.060
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.076.420.000	1.096.420.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (100+200)	270		19.752.564.440.348	15.564.318.125.515

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B01-DN

Đơn vị tính : VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.358.110.168.621	3.152.169.943.075
I. Nợ ngắn hạn	310		4.298.764.836.709	2.993.592.789.307
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	VI.18	-	-
2. Phải trả người bán	312	VI.19	2.412.263.469.824	1.882.755.381.787
3. Người mua trả tiền trước	313		21.589.364.414	116.844.952.210
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	VI.20	331.870.328.102	287.182.837.552
5. Phải trả người lao động	315		100.460.928.431	42.008.506.653
6. Chi phí phải trả	316	VI.21	364.013.161.247	260.206.170.893
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	VI.22	662.625.268.582	58.284.825.493
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323	VI.23	405.942.316.109	346.310.114.719
II. Nợ dài hạn	330		59.345.331.912	158.577.153.768
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	92.000.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm	336	VI.24	59.325.269.500	66.571.712.268
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		20.062.412	5.441.500
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	VI.25	15.394.454.271.727	12.412.148.182.440
I. Vốn chủ sở hữu	410		15.394.454.271.727	12.412.148.182.440
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.339.557.960.000	5.561.147.540.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.276.994.100.000	1.276.994.100.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.504.115.000)	(2.521.794.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		93.889.017.729	908.024.236.384
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		588.402.022.008	556.114.754.000
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.100.115.286.990	4.112.389.346.056
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (300+400)	440		19.752.564.440.348	15.564.318.125.515

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**MẪU SỐ B01-DN**

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại: USD		11.737.838,41	27.989.325,30
EUR		49.847,54	1.482.877,52
AUD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 22 tháng 01 năm 2013.

Người lập



Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng



Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành
Tài chính


Ngô Thị Thu Trang



Tổng Giám đốc



Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
(Dạng đầy đủ)
Năm 2012**MẪU SỐ B02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	27.337.224.229.674	22.264.531.786.640
2. Các khoản giảm trừ	03	VII.1	540.109.559.314	443.128.597.657
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 03)	10	VII.1	26.797.114.670.360	21.821.403.188.983
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	17.741.665.254.788	15.267.378.200.645
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		9.055.449.415.572	6.554.024.988.338
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	473.821.303.235	679.547.489.380
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	99.310.955.433	332.121.618.469
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		3.114.521.306	13.933.130.085
8. Chi phí bán hàng	24	VII.8	2.345.841.736.875	1.811.943.544.902
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.8	484.293.406.112	434.273.596.118
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21–22) – (24+25)}	30		6.599.824.620.387	4.655.233.718.229
11. Thu nhập khác	31	VII.5	461.722.348.837	362.545.328.799
12. Chi phí khác	32	VII.6	174.201.501.862	85.269.643.075
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		287.520.846.975	277.275.685.724
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.887.345.467.362	4.932.509.403.953
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.134.149.728.389	778.367.649.176
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(32.673.668.012)	(12.463.242.524)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		5.785.869.406.985	4.166.604.997.301
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.7	6.940	5.082

Người lập

Nguyễn Đức Diệu Thơ

Kế toán trưởng

Lê Thành Liêm

Giám đốc điều hành
Tài chính

Ngô Thị Thu Trang

Lập ngày 22 tháng 01 năm 2013.



Tổng Giám đốc

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)***Năm 2012****MẪU SỐ B03-DN***Đơn vị tính: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.887.345.467.362	4.932.509.403.953
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	VI.10 VI.11 VI.12	468.009.085.448	361.325.713.482
- (Lãi) / lỗ từ các khoản dự phòng	03		(26.888.466.733)	131.970.414.289
- (Lãi) / lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		23.750.178.315	7.605.774.684
- (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(322.417.690.276)	(507.917.626.333)
- Chi phí lãi vay	06	VII.4	3.114.521.306	13.933.130.085
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		7.032.913.095.422	4.939.426.810.160
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		(184.654.004.285)	(1.066.840.564.449)
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		(171.024.836.854)	(916.347.996.511)
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		330.474.241.902	782.979.585.995
- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		(15.388.438.295)	(23.173.000.514)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(3.114.521.306)	(14.785.659.974)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	VI.20	(1.070.582.780.405)	(789.968.554.294)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.704.175.480	1.255.501.334
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(519.123.925.601)	(329.809.135.979)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.403.203.006.058	2.582.736.985.768
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.014.661.801.278)	(1.704.853.964.951)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		72.596.622.927	50.148.330.984
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2.566.900.000.000)	(18.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		338.114.387.315	1.271.569.512.182
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(254.900.000.000)	(262.699.995.567)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		370.876.064.573	471.824.231.056
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.054.874.726.463)	(192.011.886.296)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM




Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	1.454.528.400.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.982.321.000)	(1.852.743.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	624.835.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.209.835.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.222.994.056.000)	(741.428.260.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.224.976.377.000)	126.247.397.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(1.876.648.097.405)	2.516.972.496.472
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.101.435.901.849	584.843.207.079
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(325.519.080)	(379.801.702)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		1.224.462.285.364	3.101.435.901.849

Lập ngày 22 tháng 01 năm 2013,

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	Tổng Giám đốc
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên



BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Bảng thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993 : Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003 : Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003 : Công ty đăng ký trở thành một Công ty Cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005 : Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPYN.
- + Ngày 19/01/2006 : Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ số 10 đường Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại thời điểm 31/12/2012,

+ Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau

Các chi nhánh bán hàng:

- 1/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, TP Hà Nội.
- 2/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng - Số 12 Chi Lăng, Phường Hải Châu II, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.
- 3/ CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 86D Hùng Vương, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều, TP Cần Thơ.

Các nhà máy sản xuất:

- 1/ Nhà máy Sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Nhà máy Sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- 3/ Nhà máy Sữa Dielac - Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Đồng Nai.
- 4/ Nhà máy Sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Cần Thơ.
- 5/ Nhà máy Sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Q12, TP HCM.
- 6/ Nhà máy Sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.
- 7/ Nhà máy Sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, P.Quang Trung, TP Quy Nhơn, Bình Định.
- 8/ Nhà máy Nước Giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.
- 9/ Nhà máy Sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.
- 10/ Nhà máy Sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, TP Đà Nẵng.
- 11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – KCN Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.
- 12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

Kho vận:

- 1/ Xí nghiệp Kho Vận - Số 32 Đặng Văn Bi, Q.Thủ Đức, TP.HCM.
- 2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Q. Gia Lâm, Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám Đa khoa An Khang - 87A CMT8, Quận 1, TP HCM.

+ Công ty có các Công ty con như sau

Công ty con	Hoạt động chính	Phần vốn Công ty nắm giữ
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	Sản xuất sữa	100%
- Công ty TNHH Một Thành viên Đầu tư Bất động sản Quốc tế	Phát triển bất động sản	100%
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac (*)	Sản xuất sữa	100%

() Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam đã ra quyết định số 2482/QĐ-CTS.KSNB/2012 ngày 18 tháng 9 năm 2012 về việc giải thể Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Dielac để thành lập chi nhánh trực thuộc Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam. Vào ngày 25 tháng 9 năm 2012, Ban Quản lý KCN Việt Nam-Singapore cũng ra quyết định số 37/QĐ-BQL về việc chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Sữa*

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Dielac. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac vẫn chưa hoàn tất thủ tục giải thể doanh nghiệp.

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy phép đăng ký kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh nhà;
- d. Môi giới, cho thuê bất động sản;
- e. Kinh doanh kho, bến bãi;
- f. Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- g. Bốc xếp hàng hóa;
- h. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- i. Sản xuất và mua bán bao bì;
- j. In trên bao bì;
- k. Sản xuất, mua bán sản phẩm nhựa (không sản xuất bột giấy, tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- l. Phòng khám đa khoa;
- m. Chăn nuôi, trồng trọt, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, trồng trọt;
- n. Dịch vụ sau thu hoạch;
- o. Xử lý hạt giống để nhân giống.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/2009.
- Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 21 – Trình bày Báo cáo tài chính.
- Chế độ Kế toán được áp dụng nhất quán với những Chế độ Kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.
- Ban Điều Hành đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là đồng Việt Nam (“VNĐ”), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn mực Kế toán, Nguyên tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.
- Báo cáo Tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
 - + Các khoản tiền mặt: Căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
 - + Các khoản tiền gửi ngân hàng: Căn cứ vào giấy báo Nợ và báo Có của Ngân hàng kết hợp với Sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- + Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

c. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

▪ **Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:**

Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

▪ **Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:**

Cuối quý, cuối niên độ: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty mở tài khoản, có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được kết chuyển vào tài khoản chênh lệch tỷ giá, số dư cuối cùng sẽ được kết chuyển vào chi phí hay doanh thu tài chính (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

▪ **Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:**

31/12/2011 : 20.828 VNĐ/USD

31/12/2012 : 20.800 VNĐ/USD

3. Hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính.
- Hàng tồn kho tăng giảm trong kỳ bằng các hình thức di chuyển điều kho nội bộ sẽ được hạch toán tăng theo giá hạch toán (giá điều chuyển cố định); phần chênh lệch giữa giá hạch toán và giá bình quân sẽ được hạch toán vào tài khoản chênh lệch. Cuối kỳ, phần chênh lệch sẽ được hạch toán vào hàng tồn kho hoặc giá vốn hàng bán (tùy thuộc vào tính chất xuất kho của hàng tồn kho này).

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.

4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

a. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình, vô hình:

▪ TSCĐ hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Nguyên giá TSCĐ nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá hạch toán, khoản chênh lệch tỷ giá trong quá trình mua sắm TSCĐ được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- **TSCĐ vô hình:**
 - Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
 - Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng.

b. Phương pháp khấu hao:

- TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm loại	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc, thiết bị	8 – 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 6

- Khấu hao của TSCĐ được ghi nhận ngay trong tháng: sẽ được tính nguyên tháng nếu tăng trước ngày 15, và khấu hao ½ tháng nếu ghi nhận tăng sau ngày 15.
- TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 6 năm. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

6. **Bất động sản đầu tư**

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Khấu hao: Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.
- Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác:

- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

9. Phải trả người bán và phải trả khác:

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.
- Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu).
- + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ và thời hạn của các hợp đồng thực hiện.
- + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
- + Chi phí sửa chữa lớn trích trước theo kế hoạch sửa chữa lớn được duyệt.
- + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc và bảo hiểm thất nghiệp

- Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo những quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.
- Thực hiện theo thông tư 180/2012/TT-BTC, Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác số dư Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế được phân phối như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ dự phòng tài chính trích 5% lợi nhuận sau thuế (tối đa bằng 10% vốn điều lệ của Công ty).

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, doanh thu tài chính:

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá dùng hạch toán và tỷ giá thực tế thanh toán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
- Thuế thu nhập hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 15% đến 25% trên thu nhập chịu thuế, tùy theo nơi đặt của các nhà máy sản xuất.

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

Các nhân tố rủi ro tài chính :

- Công ty đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường
 - Rủi ro thanh khoản
 - Rủi ro tín dụng
- Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Công ty có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

- Công ty phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và Euro (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
- Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt trên rủi ro tiềm tàng của những biến động về tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Rủi ro tiền tệ của công ty đối với USD và EUR là như sau :

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	11.737.838,41	49.847,54	244.147.038.928	1.360.887.689
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.494.609,72	945.732,62	488.779.996.506	25.207.070.564
	35.232.448,13	995.580,16	732.927.035.434	26.567.958.253
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(34.326.553,25)	(12.178.137,74)	(713.966.525.392)	(332.476.828.250)
Mức độ rủi ro tiền tệ	905.894,88	(11.182.557,58)	18.960.510.042	(305.908.869.998)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	27.989.325,30	1.482.877,52	582.961.667.350	40.976.354.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	35.512.892,94	8.543.383,43	739.662.534.214	236.079.314.321
	63.502.218,24	10.026.260,95	1.322.624.201.564	277.055.668.831
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(43.076.330,57)	(12.606.518,36)	(897.193.813.131)	(348.355.921.842)
Mức độ rủi ro tiền tệ	20.425.887,67	(2.580.257,41)	425.430.388.433	(71.300.253.011)

Các tỷ giá quan trọng được áp dụng trong kỳ như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
USD	20.800	20.828
EUR	27.301	27.633

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 10% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ cao/thấp hơn một khoản là 1.422.038.253 VND, chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đô la Mỹ.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, nếu đồng VND yếu đi/mạnh lên 10% so với đồng EUR trong khi các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 22.943.165.250 VND, chủ yếu do lãi/lỗ ngoại hối trong việc chuyển đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường.

Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.

- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá chứng khoán tăng / giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ cao/thấp hơn 10.425.695.430 VND tương ứng với xu hướng thay đổi của giá.

c. Rủi ro lãi suất

Công ty không có rủi ro lãi suất khi tất cả các khoản vay phát hành theo lãi suất cố định.

2. **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Công ty nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu của Công ty.

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn và Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Tập đoàn và Công ty với điều kiện trả tiền trước.
- Tập đoàn và Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

- Các khoản đầu tư

Tập đoàn và Công ty giới hạn mức độ rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các chứng khoán có tính thanh khoản và với các đối tác có mức độ tín nhiệm cao. Ban Điều hành chủ động giám sát rủi ro tín dụng và không kỳ vọng các đối tác sẽ không thực hiện được các nghĩa vụ của họ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

- Số dư với ngân hàng

- Tập đoàn và Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.
- Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn và Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Công ty lên đến 1.640.050.412.754 VND (2011: 1.362.540.791.848 VND).

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Quá hạn 1 đến 30 ngày	13.392.747.256	15.058.558.138
Quá hạn 31 đến 60 ngày	214.534.274	287.717.434
Quá hạn 61 đến 90 ngày	574.491.413	630.000
Quá hạn hơn 90 ngày	-	3.727.445.863
	14.181.772.943	19.074.351.435

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
Tổng gộp	7.406.750.711	3.562.056.526
Trừ : Dự phòng suy giảm giá trị	(3.832.172.450)	(1.897.595.994)
	3.574.578.261	1.664.460.532

	31/12/2012	31/12/2011
Giá trị đầu năm	1.897.595.994	576.144.675
Dự phòng tăng	1.972.328.394	1.833.346.777
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	(37.751.938)	(511.895.458)
Giá trị cuối năm	3.832.172.450	1.897.595.994

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

3. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.
- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Công ty theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 2 năm	Từ 2 đến 5 năm
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	3.560.972.254.910	-	-
- Các khoản vay	-	-	-
	<u>3.560.972.254.910</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
- Phải trả người bán và các khoản phải trả khác	<u>2.360.105.278.536</u>	<u>92.000.000.000</u>	<u>-</u>

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

- Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải nợ phải trả người bán và phải trả khác có giá trị gần bằng giá trị hợp lý.
- Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn và Công ty:

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

31.12.2012					
	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	211.020.970.112	14.318.490.708	(61.470.408.420)	163.869.052.400	(61.470.408.420)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	82.283.660.000	-	(68.558.267.200)	13.725.392.800	(68.558.267.200)
Đầu tư dài hạn khác:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ	30.540.000.000	-	(14.355.884.467)	16.184.115.533	(14.355.884.467)
	323.844.630.112	14.318.490.708	(144.384.560.087)	193.778.560.733	(144.384.560.087)
31.12.2011					
	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị thị trường	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
Đầu tư ngắn hạn:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	24.993.771.792	11.762.802.708	(10.685.976.400)	26.070.598.100	(10.685.976.400)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	82.283.660.000	-	(68.558.267.200)	13.725.392.800	(68.558.267.200)
Đầu tư dài hạn khác:					
- Chứng khoán vốn niêm yết	206.961.273.800	5.972.806.500	(96.442.805.500)	116.491.274.800	(96.442.805.500)
- Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	-	-	-
- Chứng chỉ quỹ	106.350.000.000	-	(45.907.987.129)	60.442.012.871	(45.907.987.129)
	420.588.705.592	17.735.609.208	(221.595.036.229)	216.729.278.571	(221.595.036.229)

- Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại sàn HOSE được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ kế toán tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- Giá trị thị trường của các chứng khoán vốn chưa niêm yết được ước tính dựa trên giá giao dịch bình quân của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	838.995.064	545.856.573
- Tiền gửi ngân hàng	822.873.290.300	770.890.045.276
- Tiền đang chuyển	750.000.000	-
- Các khoản tương đương tiền	400.000.000.000	2.330.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	400.000.000.000	2.330.000.000.000
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	<u>1.224.462.285.364</u>	<u>3.101.435.901.849</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	593.304.630.112	357.277.431.792
• Chứng khoán đã niêm yết	211.020.970.112	24.993.771.792
• Chứng khoán chưa niêm yết	82.283.660.000	82.283.660.000
• Trái phiếu doanh nghiệp	300.000.000.000	250.000.000.000
• Trái phiếu Chính phủ	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	3.446.000.000.000	458.000.000.000
• Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	2.974.000.000.000	440.000.000.000
• Đầu tư ngắn hạn khác	472.000.000.000	18.000.000.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(130.028.675.620)	(79.244.243.600)
• Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(130.028.675.620)	(79.244.243.600)
• Dự phòng cho các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Cộng	<u>3.909.275.954.492</u>	<u>736.033.188.192</u>

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong năm như sau :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(79.244.243.600)	(70.657.669.500)
Trích lập dự phòng trong năm	-	(8.586.574.100)
Tăng khác (phân loại từ dài hạn sang)	(54.008.653.800)	-
Hoàn nhập dự phòng	3.224.221.780	-
Số cuối năm	<u>(130.028.675.620)</u>	<u>(79.244.243.600)</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trong nước	792.904.993.226	614.822.309.815
- Khách hàng nước ngoài	481.669.436.235	537.809.723.988
Cộng	<u>1.274.574.429.461</u>	<u>1.152.632.033.803</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
- Lãi tiền gửi phải thu	55.733.508.797	39.118.333.339
- Cổ tức phải thu	-	6.144.600
- Lãi trái phiếu và lãi cho vay phải thu	27.586.763.700	53.480.095.630
- Thuế nhập khẩu còn được hoàn	235.708.097.835	128.535.499.715
- Hỗ trợ, bồi thường từ Nhà cung cấp	46.769.518.376	-
- Phải thu khác	21.266.618.239	11.405.092.722
Cộng	<u>387.064.506.947</u>	<u>232.545.166.006</u>

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tỷ lệ trích lập (%)	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		(3.832.172.450)	(1.897.595.994)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	30%	(1.064.208.349)	(22.395.300)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%	(37.325.500)	(1.672.871.733)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%	(2.633.752.212)	(30.736.300)
• Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	100%	(96.886.389)	(171.592.661)
- Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	100%	-	-
Cộng		<u>(3.832.172.450)</u>	<u>(1.897.595.994)</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi trên đường	702.632.670.110	972.269.280.990
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	1.995.612.794.941	1.554.537.858.729
- Công cụ, dụng cụ	4.602.995.846	319.202.861
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.269.565.141	23.368.489.862
- Thành phẩm	588.692.556.146	569.780.981.699
- Hàng hóa	20.308.535.581	23.079.807.665
- Hàng gửi đi bán	21.842.627.806	48.370.380.232
Cộng	<u>3.360.961.745.571</u>	<u>3.191.726.002.038</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên vật liệu	(1.639.971.515)	(2.132.410.838)
- Công cụ, dụng cụ, vật tư kỹ thuật	(1.426.604.224)	(1.490.913.798)
- Thành phẩm	(378.079.902)	(1.267.615.534)
- Hàng hóa	(10.509.744)	(42.966.500)
Cộng	<u>(3.455.165.385)</u>	<u>(4.933.906.670)</u>

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(4.933.906.670)	(4.102.608.915)
Trích lập dự phòng trong năm	(8.686.194.492)	(10.074.642.239)
Hoàn nhập dự phòng	8.476.656.163	7.987.996.015
Sử dụng dự phòng trong năm	1.688.279.614	1.255.348.469
Số cuối năm	<u>(3.455.165.385)</u>	<u>(4.933.906.670)</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	3.862.183.375	9.516.984.172	10.879.659.978	-	2.499.507.569
- Chi phí quảng cáo	8.320.100.182	5.983.521.970	11.761.334.652	-	2.542.287.500
- Chi phí tư vấn	450.957.001	-	450.957.001	-	-
- Chi phí CCDC bán hàng	34.676.924.998	66.919.336.090	55.222.765.142	-	46.373.495.946
- Chi phí thuê mặt bằng, vị trí	2.414.274.654	16.283.125.618	16.663.820.634	446.186.000	1.587.393.638
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	4.315.576.310	32.025.568.608	26.298.379.275	-	10.042.765.643
- CP cải tạo, sửa chữa lớn	1.381.630.958	10.666.235.022	4.914.549.761	-	7.133.316.219
- Chi phí khác	899.380.548	30.008.504.744	30.244.997.755	229.517.070	433.370.467
Cộng	<u>56.321.028.026</u>	<u>171.403.276.224</u>	<u>156.436.464.198</u>	<u>675.703.070</u>	<u>70.612.136.982</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	762.922.587.776	3.474.955.502.074	329.173.371.192	252.344.759.560	4.819.396.220.602
+Tăng trong năm					
-Mua sắm mới	25.997.452.509	136.246.682.349	58.207.174.591	55.290.648.602	275.741.958.051
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	158.772.462.767	657.181.878.819	13.537.809.265	6.522.338.934	836.014.489.785
-Phân loại lại	2.201.083.457	(2.382.953.980)	251.261.432	(69.390.909)	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	(9.952.752.466)	(15.735.643.206)	(55.994.156.197)	(4.619.456.413)	(86.302.008.282)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	939.940.834.043	4.250.265.466.056	345.175.460.283	309.468.899.774	5.844.850.660.156
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	189.461.623.334	1.234.934.979.633	135.277.665.228	118.979.841.406	1.678.654.109.601
+Tăng trong năm					
-Khấu hao	36.320.943.175	347.729.196.796	28.665.206.647	44.581.515.013	457.296.861.631
-Phân loại lại	67.482.521	(126.500.985)	67.003.048	(7.984.584)	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	(2.140.425.417)	(10.277.804.801)	(22.864.154.593)	(4.574.502.487)	(39.856.887.298)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	223.709.623.613	1.572.259.870.643	141.145.720.330	158.978.869.348	2.096.094.083.934
+Giá trị còn lại					
+ Số đầu năm	573.460.964.442	2.240.020.522.441	193.895.705.964	133.364.918.154	3.140.742.111.001
+ Số cuối năm	716.231.210.430	2.678.005.595.413	204.029.739.953	150.490.030.426	3.748.756.576.222

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	246.572.355.216	-	-	58.931.090.027	305.503.445.243
+Tăng trong năm					
-Mua trong năm	-	-	-	5.041.508.797	5.041.508.797
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.270.856.480)	(1.270.856.480)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	246.572.355.216	-	-	62.701.742.344	309.274.097.560
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	47.439.243.351	-	-	48.683.460.597	96.122.703.948
+Tăng trong năm					
-Khấu hao trong năm	3.359.710.845	-	-	3.395.614.523	6.755.325.368
-Tăng khác	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(1.270.856.480)	(1.270.856.480)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	50.798.954.196	-	-	50.808.218.640	101.607.172.836
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	199.133.111.865	-	-	10.247.629.430	209.380.741.295
+ Số cuối năm	195.773.401.020	-	-	11.893.523.704	207.666.924.724

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Nhà và Quyền sử dụng đất	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu năm	-	84.183.047.263	-	5.994.290.197	90.177.337.460
+Tăng trong năm					
-Mua trong năm	-	-	-	-	-
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
-Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển từ hàng hóa BDS	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Chuyển sang TSCĐ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang hàng hóa BDS	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	-	84.183.047.263	-	5.994.290.197	90.177.337.460
Giá trị hao mòn					
+Số đầu năm	-	15.850.898.430	-	1.144.301.491	16.995.199.921
+Tăng trong năm					
-Khấu hao	-	3.357.469.432	-	599.429.017	3.956.898.449
-Chuyển từ TSCĐ	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
-Phân loại lại	-	-	-	-	-
+Giảm trong năm					
-Chuyển sang hàng hóa BDS	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối năm	-	19.208.367.862	-	1.743.730.508	20.952.098.370
+Giá trị còn lại					
-Số đầu năm	-	68.332.148.833	-	4.849.988.706	73.182.137.539
+ Số cuối năm	-	64.974.679.401	-	4.250.559.689	69.225.239.090

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	1.221.103.883.288	653.359.231.400
- Tăng trong kỳ	3.173.403.769.624	1.673.918.817.918
- Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(836.014.489.785)	(1.095.656.690.548)
- Chuyển sang TSCĐ vô hình	-	-
- Chuyển sang BĐS Đầu tư	-	-
- Thanh lý	(65.259.634.000)	(10.517.475.482)
- Giảm khác	(2.861.862.210)	-
Số dư cuối kỳ	<u>3.490.371.666.917</u>	<u>1.221.103.883.288</u>

Trong đó có giá trị các công trình lớn đang được thực hiện tại các nhà máy, chi nhánh và văn phòng sau :

- Văn phòng công ty : đang thực hiện các công trình sau:	3.412.740.300.850	652.557.519.078
<i>NM Sữa Việt Nam</i>	<i>1.819.204.239.183</i>	<i>252.972.591.210</i>
<i>NM Sữa bột Dielac 2</i>	<i>1.509.809.070.248</i>	<i>383.594.721.240</i>
<i>Trang trại Bò Sữa</i>	<i>35.366.294.536</i>	<i>15.893.206.674</i>
<i>NM Sữa Lam Sơn</i>	<i>4.045.436.097</i>	-
<i>Công trình khác</i>	<i>44.315.260.786</i>	<i>96.999.954</i>
- NM Sữa Trường Thọ	-	29.244.400
- NM Sữa Thống Nhất	24.382.700	214.216.365
- NM Sữa Dielac	-	33.679.200.351
- NM Sữa Sài Gòn	591.352.078	80.403.563.112
- NM Sữa Cần Thơ	694.028.935	24.013.080.051
- NM Sữa Bình Định	115.098.182	18.868.426.211
- NM Sữa Nghệ An	-	35.495.060.435
- XNKV Hà Nội	8.747.985.700	8.747.985.700
- NM Sữa Tiên Sơn	-	81.555.694.010
- NM Nước Giải Khát	432.856.316	2.597.374.052
- NM Sữa Đà Nẵng	21.448.226.014	237.931.390.899
- Văn phòng - CN tại Cần Thơ	45.086.527.051	44.989.951.351
- Chi nhánh Hà Nội	-	21.177.273
- Chi nhánh Đà Nẵng	490.909.091	-
Cộng	<u>3.490.371.666.917</u>	<u>1.221.103.883.288</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

13. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Công ty TNHH Một thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	737.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Sữa Lam Sơn	100,00%	100,00%	90.800.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư BĐS Quốc tế	100,00%	100,00%	46.000.000.000
- Công ty TNHH Một thành viên Sữa Dielac	100,00%	100,00%	204.518.014.080
Cộng			1.078.318.014.080

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
- Căn hộ Horizon - Hợp đồng hợp tác kinh doanh	24,50%	24,50%	9.942.684.826
- Trang trại mẫu Campina - Hợp đồng kinh doanh đồng kiểm soát	25,00%	25,00%	7.209.270.725
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn - Công ty liên kết	15,00%	15,00%	18.000.000.000
- Công ty TNHH MIRAKA - Công ty liên kết	19,29%	19,29%	179.315.000.000
Cộng			214.466.955.551

15. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Đầu tư cổ phiếu	30.540.000.000	313.311.273.800
• Cổ phiếu đã niêm yết	-	206.961.273.800
• Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
• Các quỹ đầu tư	30.540.000.000	106.350.000.000
- Đầu tư trái phiếu	50.000.000.000	350.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	300.000.000	120.300.000.000
Cộng	80.840.000.000	783.611.273.800

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(14.355.884.467)	(142.350.792.629)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	(176.840.741.523)	(120.062.801.173)
- Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên doanh, liên kết	(410.682.634)	(9.048.480.298)
Cộng	(191.607.308.624)	(271.462.074.100)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	(271.462.074.100)	(151.998.226.912)
- Trích lập dự phòng trong năm	(57.544.382.799)	(120.592.117.088)
- Hoàn nhập dự phòng	83.390.494.475	1.128.269.900
- Giảm khác (phân loại sang ngắn hạn)	54.008.653.800	-
Số cuối năm	<u>(191.607.308.624)</u>	<u>(271.462.074.100)</u>

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	2.434.012.586	1.954.728.583	-	2.228.855.598	2.159.885.571
- Chi phí CCDC bán hàng	11.241.646.159	76.619.662.503	-	72.162.073.935	15.699.234.727
- Chi phí trả trước dài hạn khác	280.337.493	-	-	224.270.004	56.067.489
Cộng	<u>13.955.996.238</u>	<u>78.574.391.086</u>	<u>-</u>	<u>74.615.199.537</u>	<u>17.915.187.787</u>

18. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	<u>-</u>	<u>-</u>

19. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhà cung cấp nội địa	1.326.067.253.402	777.802.948.568
- Nhà cung cấp nước ngoài	1.085.795.188.422	1.104.035.003.984
- Nhà phân phối	401.028.000	917.429.235
Cộng	<u>2.412.263.469.824</u>	<u>1.882.755.381.787</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	58.924.643.870	709.297.908.972	715.280.599.675	52.941.953.167
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	19.765.227.022	736.351.672.192	751.244.247.644	4.872.651.570
- Thuế xuất, nhập khẩu	5.819.918.779	254.594.971.747	256.482.162.873	3.932.727.653
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	188.614.922.393	1.134.149.728.390	1.070.582.780.405	252.181.870.378
- Thuế thu nhập cá nhân	13.669.767.416	107.669.069.431	103.430.316.313	17.908.520.534
- Thuế tài nguyên	29.996.690	370.053.562	370.445.452	29.604.800
- Thuế nhà đất	-	-	-	-
- Tiền thuê đất	526.471	4.284.622.111	4.285.148.582	-
- Các loại thuế khác	357.814.911	14.550.780.241	14.908.595.152	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.000	945.774.785	942.794.785	3.000.000
Cộng	<u>287.182.837.552</u>	<u>2.962.214.581.431</u>	<u>2.917.527.090.881</u>	<u>331.870.328.102</u>

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khuyến mãi, hỗ trợ, bán hàng	172.183.794.781	166.981.423.467
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí tại siêu thị	-	138.181.804
- Chi phí quảng cáo	116.910.036.213	29.428.701.502
- Chi phí vận chuyển	23.903.854.607	25.290.506.962
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	5.797.227.711	6.357.023.147
- Chi phí lãi vay	-	-
- Chi phí nhiên liệu	7.115.522.438	5.795.564.015
- Chi phí nhân công thuê ngoài	11.164.299.513	7.252.173.600
- Chi phí phải trả khác	26.938.425.984	18.962.596.396
Cộng	<u>364.013.161.247</u>	<u>260.206.170.893</u>

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	27.397.830	-
- BHXH, BHYT, BHTN	428.079.743	389.034.984
- Kinh phí công đoàn	37.234.500	141.016.246
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.439.185.025	13.285.621.271
- Phải trả khác về đầu tư tài chính	448.007.419.155	184.859.155
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	176.541.502.888	31.891.388.948
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.144.449.441	12.392.904.889
Cộng	<u>662.625.268.582</u>	<u>58.284.825.493</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNHCho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

23. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	346.310.114.719	259.307.807.699
- Trích lập quỹ	578.586.940.698	416.660.499.730
- Tặng khác	-	32.700.000
- Chi trả	(518.954.739.308)	(329.690.892.710)
Số dư cuối kỳ	<u><u>405.942.316.109</u></u>	<u><u>346.310.114.719</u></u>

24. Dự phòng trợ cấp thôi việc, mất việc làm

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số dư đầu năm	66.571.712.268	51.058.625.583
- Trích lập dự phòng	1.687.443.587	16.576.979.482
- Sử dụng dự phòng	(680.685.501)	(1.063.892.797)
- Hoàn nhập dự phòng	(8.253.200.854)	-
Số dư cuối kỳ	<u><u>59.325.269.500</u></u>	<u><u>66.571.712.268</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

25. Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2		3	4	6	9
Số dư đầu năm trước	3.530.721.200.000	-	(669.051.000)	2.172.290.789.865	353.072.120.000	1.895.541.229.005	7.950.956.287.870
- Tăng vốn năm trước	2.030.426.340.000	1.276.994.100.000	(1.852.743.000)	(1.852.892.040.000)	-	-	1.452.675.657.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	4.166.604.997.301	4.166.604.997.301
- Trích lập các quỹ	-	-	-	588.625.486.519	203.042.634.000	(1.208.328.620.250)	(416.660.499.731)
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(741.428.260.000)	(741.428.260.000)
Số dư đầu năm nay	5.561.147.540.000	1.276.994.100.000	(2.521.794.000)	908.024.236.384	556.114.754.000	4.112.389.346.056	12.412.148.182.440
- Tăng vốn trong kỳ	2.778.410.420.000	-	(1.982.321.000)	(1.628.883.194.992)	-	(1.149.527.225.008)	(1.982.321.000)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	5.785.869.406.985	5.785.869.406.985
- Trích lập các quỹ	-	-	-	814.747.976.337	32.287.268.008	(1.425.622.185.043)	(578.586.940.698)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	(2.222.994.056.000)	(2.222.994.056.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	8.339.557.960.000	1.276.994.100.000	(4.504.115.000)	93.889.017.729	588.402.022.008	5.100.115.286.990	15.394.454.271.727

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	27.337.224.229.674	22.264.531.786.640
• Doanh thu bán hàng hóa	612.030.601.822	496.124.755.574
• Doanh thu bán thành phẩm	26.689.483.393.870	21.738.114.896.771
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.079.188.993	20.690.188.407
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	11.631.044.989	9.601.945.888
Các khoản giảm trừ doanh thu:	540.109.559.314	443.128.597.657
• Chiết khấu thương mại	529.926.422.029	441.891.678.905
• Hàng bán bị trả lại	10.183.137.285	1.236.918.752
Doanh thu thuần	26.797.114.670.360	21.821.403.188.983
Trong đó:		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	26.761.404.436.378	21.791.111.054.688
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	35.710.233.982	30.292.134.295

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa	543.608.781.370	479.892.671.596
- Giá vốn của thành phẩm	17.174.737.408.554	14.761.993.994.256
- Giá vốn của dịch vụ	1.021.956.715	1.314.885.592
- Giá vốn của hoạt động kinh doanh BĐS	5.511.306.230	5.461.852.413
- Chi phí hao hụt, mất mát hàng tồn kho	18.897.711	30.672.000
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường	16.557.365.879	16.597.478.564
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	209.538.329	2.086.646.224
Cộng	17.741.665.254.788	15.267.378.200.645

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi	248.345.614.281	365.831.459.358
- Lãi trái phiếu	77.056.806.958	97.988.961.693
- Lãi cho vay	468.750.000	2.445.000.000
- Cổ tức	35.619.974.400	25.576.594.310
- Đầu tư Chứng khoán	-	-
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	103.438.947.734	133.011.736.352
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	53.335.201.499
- Khác	100.617.862	1.358.536.168
Cộng	473.821.303.235	679.547.489.380

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi vay ngân hàng, các tổ chức khác	3.114.521.306	13.933.130.085
- Lãi ký quỹ	1.016.360.739	1.173.590.655
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	54.329.064	-
- Chênh lệch tỷ giá thực hiện	37.855.110.548	105.296.848.209
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	23.750.178.316	60.940.976.183
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(3.224.221.780)	8.586.574.100
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(25.846.111.676)	119.463.847.188
- Hỗ trợ thanh toán Nhà phân phối	31.602.235.707	22.667.657.049
- Khác	30.988.553.209	58.995.000
Cộng	<u>99.310.955.433</u>	<u>332.121.618.469</u>

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý tài sản cố định	30.311.370.662	48.909.935.847
- Thu thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	65.259.634.001	10.651.675.000
- Thu bán phế liệu, CCDC, VTKT	94.848.282.339	85.071.020.610
- Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	789.778.800	3.140.520.594
- Nhận hỗ trợ từ nhà cung cấp	196.470.446.738	166.810.521.148
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	-	1.855.965.948
- Thu nhập khác	74.042.836.297	46.105.689.652
Cộng	<u>461.722.348.837</u>	<u>362.545.328.799</u>

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá trị còn lại TSCĐ nhượng bán, thanh lý	46.445.120.984	34.326.753.061
- Chi phí thanh lý TSCĐ	77.628.645	-
- Giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang	65.259.634.000	10.517.475.482
- Giá trị VTKT, CCDC thanh lý	-	1.329.579.899
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	-	722.472.308
- Thuế bị phạt, bị truy thu	1.543.508.948	2.136.716.539
- Chi phí khác	60.875.609.285	36.236.645.786
Cộng	<u>174.201.501.862</u>	<u>85.269.643.075</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.785.869.406.985	4.166.604.997.301
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
• <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
• <i>Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu</i>	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>với giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi</i>		
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
• Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị ghi sổ của cổ phiếu ưu đãi với giá trị hợp lý của khoản thanh toán cho người sở hữu	-	-
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.785.869.406.985	4.166.604.997.301
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	833.639.586	819.874.163
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>6.940</u>	<u>5.082</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	555.867.614	353.006.100
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 19 tháng 02 năm 2011	-	3.028.856
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 26 tháng 5 năm 2011	-	6.449.315
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 15 tháng 6 năm 2011	-	1.947.896
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thường phát hành ngày 29 tháng 11 năm 2011	-	182.194.259
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông thường phát hành ngày 21 tháng 12 năm 2012	277.879.835	273.291.388
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại trong kỳ	(107.863)	(43.651)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<u>833.639.586</u>	<u>819.874.163</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.709.397.161.340	14.561.329.401.840
- Chi phí nhân công	702.005.924.590	577.524.150.998
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	466.860.285.222	361.325.713.482
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	876.774.420.101	719.440.867.111
- Chi phí khác	1.827.043.090.173	1.408.247.327.194
Cộng	<u>20.582.080.881.426</u>	<u>17.627.867.460.625</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Trong đó bao gồm :

Chi phí sản xuất :

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.640.063.333.543	14.504.153.413.347
- Chi phí nhân công	396.254.671.899	321.914.069.856
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	383.495.207.211	286.442.259.304
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	304.540.806.912	247.561.770.373
- Chi phí khác	27.591.718.874	21.578.806.725
Cộng	<u>17.751.945.738.439</u>	<u>15.381.650.319.605</u>

Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	154.142.240.782	126.040.690.295
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.236.043.231	46.661.138.368
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	61.297.993.881	36.459.224.005
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.653.373.488	25.827.515.080
- Chi phí bảo hành	13.803.784.829	10.079.299.960
- Chi phí vận chuyển hàng bán	307.016.838.337	254.224.204.720
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	100.022.285.863	80.530.710.391
- Chi phí quảng cáo	586.620.623.362	400.203.453.923
- Chi phí khuyến mãi	635.694.113.386	501.645.805.671
- Chi phí hỗ trợ, hoa hồng cho nhà phân phối	405.354.439.716	330.271.502.489
Cộng	<u>2.345.841.736.875</u>	<u>1.811.943.544.902</u>

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	151.609.011.909	129.569.390.847
- Chi phí vật liệu quản lý	13.097.784.566	10.514.850.125
- Chi phí đồ dùng văn phòng	3.614.194.215	4.591.556.456
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	57.711.704.523	49.055.939.098
- Thuế, phí, lệ phí	4.833.440.498	2.554.586.807
- Chi phí dự phòng	1.386.257.430	18.410.326.259
- Chi phí vận chuyển hàng nội bộ	50.852.128.502	47.134.745.105
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	114.342.360.487	89.989.436.522
- Chi phí nhập hàng	24.670.644.465	32.483.865.536
- Công tác phí	18.037.151.325	14.907.572.769
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	5.975.197.656	6.926.788.557
- Chi phí khác bằng tiền	38.163.530.536	28.134.538.037
Cộng	<u>484.293.406.112</u>	<u>434.273.596.118</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 45,05% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam.

a. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong kỳ, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Mua hàng hóa và dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	193.616.951.865	113.848.608.635
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	330.501.859.135	283.718.538.593
Liên doanh:		
- Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	3.761.820.098	3.843.876.513
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	376.348.603.444	208.625.385.663
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	37.884.089.545	8.283.190.000
	<u>942.113.324.088</u>	<u>617.959.599.404</u>

ii) Mua Xây dựng cơ bản

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Sữa Dielac	142.809.664.511	-
	<u>142.809.664.511</u>	<u>-</u>

iii) Bán thành phẩm, hàng hóa và dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	108.207.148.458	30.594.037.123
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	193.485.224.043	169.925.582.790
Công ty liên kết		
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	-	112.180.852
	<u>301.692.372.501</u>	<u>200.631.800.765</u>

iv) Thu nhập bán Tài sản cố định và xây dựng cơ bản:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	65.882.698.293	46.652.362.228
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	4.688.512.420	3.256.822.601
	<u>70.571.210.713</u>	<u>49.909.184.829</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

v) Góp vốn đầu tư vào các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	215.000.000.000	172.000.000.000
- Công ty TNHH MTV Bất động sản quốc tế	-	200.000.000
- Công ty TNHH MTV Sữa Dielac	39.900.000.000	90.499.995.567
	<u>254.900.000.000</u>	<u>262.699.995.567</u>

vi) Thu hồi khoản vay từ công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn đã tắt toán khoản vay 18 tỷ đồng Việt Nam đã vay từ Công ty trong năm 2011.

vii) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành	56.403.673.599	46.643.535.904

viii) Chi trả cổ tức

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	1.001.952.000.000	333.984.000.000

b. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan :

i) Phải thu khách hàng

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	4.796.944.849	7.892.430.989
- Công ty TNHH MTV Sữa Dielac	13.709.762.481	1.597.947.159
	<u>18.506.707.330</u>	<u>9.490.378.148</u>

ii) Phải trả người bán

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	9.465.875.500	5.257.755.600
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	86.654.248.307	66.583.265.936
- Công ty TNHH MTV Sữa Dielac	137.563.001.201	-
Liên doanh:		
- Dự án Phát triển nguồn nguyên liệu sữa tại Việt Nam	1.693.428.819	145.509.003
Công ty liên kết:		
- Công ty TNHH Miraka	-	108.050.477.828
- Công ty CP Nguyên liệu thực phẩm Á Châu Sài Gòn	3.204.539.250	-
	<u>238.581.093.077</u>	<u>180.037.008.367</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

2. Thông tin về bộ phận

CHỈ TIÊU	Năm 2012		Năm 2011	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.624.801.432.830	3.712.422.796.844	19.491.667.208.749	2.772.864.577.891
2. Các khoản giảm trừ	540.109.559.314	-	443.128.597.657	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	23.084.691.873.516	3.712.422.796.844	19.048.538.611.092	2.772.864.577.891
4. Giá vốn hàng bán	14.803.102.740.306	2.938.562.514.482	13.043.333.351.514	2.224.044.849.131
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	8.281.589.133.210	773.860.282.362	6.005.205.259.578	548.819.728.760

Lập ngày 22 tháng 01 năm 2013,

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc điều hành Tài chính	Tổng Giám đốc
			
Nguyễn Đức Diệu Thơ	Lê Thành Liêm	Ngô Thị Thu Trang	Mai Kiều Liên

